

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 11 năm 2021

V/v: “Chia tài sản sau khi ly hôn,
tranh chấp về thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Ông Vũ Hồng Sơn -

Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Giáp Quang Kh-
Luật sư, thuộc Công ty luật TNHH N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, địa
chỉ: Số 90, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo giấy ủy
quyền ngày 18/11/2021. (Có mặt)

* *Bị đơn*: Anh Chu Văn C, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Chu Thị B, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (Vắng mặt).

2. Chị Chu Thị O, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị Hà Thị Q và đại diện theo ủy quyền của chị Q trình bày:** Chị và anh C kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được hơn một năm thì vợ chồng ra ở riêng, vợ chồng ra ở riêng tại nhà đất của bố mẹ chồng cho hai vợ chồng. Thời điểm chị kết hôn với anh C chị đang đi học kế toán, sau đó chị đi làm kế toán tại các cửa hàng ở huyện Yên Dũng, thu nhập khoảng ba triệu một tháng, từ năm 2010 đến khi ly hôn, vợ chồng chỉ mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Năm 2015 chị và anh C ly hôn giải quyết tại Tòa án huyện Yên Dũng đến khoảng tháng 10 năm 2016, chị và anh C kết hôn lại, hai vợ chồng xây nhà và ở tại địa chỉ hiện tại. Trong thời gian kết hôn lại vợ chồng tạo dựng được những tài sản chung như sau: Đất là bố mẹ chồng cho, xây nhà ba tầng trên diện tích bố mẹ cho. Đồ dùng sinh hoạt gồm: 01 máy giặt nhãn hiệu AQUA, mua năm 2018 trị giá 5.500.000 đồng; Điều hòa AQUA, mua năm 2018 trị giá 9.000.000 đồng; Tủ Lạnh Panasolich, mua năm 2012, trị giá 4.700.000 đồng; Máy lọc nước nhãn hiệu chị không nhớ, mua năm 2017 trị giá 6.900.000 đồng; Máy cắt nhôm, mua năm 2015, trị giá 6.000.000 đồng; Kệ ti vi mua năm 2019, trị giá 5.000.000 đồng.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Thời gian làm nhà vợ chồng chị có nhờ mẹ chồng chị là bà Chu Thị B, sinh năm 1957, địa chỉ thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đứng tên vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Yên Dũng số tiền 100.000.000 đồng. Hiện tại vợ chồng chị vẫn nợ Ngân hàng.

Ngoài ra vợ chồng chị không vay nợ ai khác.

Nay chị yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại Thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và những đồ dùng sinh hoạt như chị đã trình bày như trên.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của chị Q trình bày: Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 241, tờ bản đồ 24, diện tích 94,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00850/324/QĐ-UBND ngày 19/7/2017, người sử dụng đất ông

Chu Văn C, bà Hà Thị Q, trên đất có nhà ba tầng, chị Q yêu cầu chia đôi và chị Q nhận $\frac{1}{2}$ trị giá nhà và đất trên. Chị Q xin rút yêu cầu chia tài sản là những vận dụng sinh hoạt trong gia đình bao gồm: 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy cắt nhôm; 01 kệ ti vi. Đối với yêu cầu thay đổi nuôi con của anh C, chị Q không đồng ý, theo quyết định thuận tình ly hôn chị Q nuôi cháu H, vì chị không muốn hai chị em xa nhau nên chị Q đồng ý để cháu H ở cùng với anh C, chị Q hàng tháng vẫn gửi tiền và đồ dùng sinh hoạt cho anh C để anh C nuôi con, hiện tại chị Q đã xây dựng gia đình và làm ăn sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng chị Q vẫn về thăm con.

*** Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Chu Văn C trình bày:** Anh và chị Q kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Khi kết hôn về chị Q đi học kế toán hai năm tại Trường trung cấp tài chính ở Bắc Giang, khi ra trường chị Q có đi làm kế toán cho một số cửa hàng ở Yên Dũng, thu nhập thấp, còn anh ở nhà làm nghề nhôm kính, đến năm 2015 ly hôn giải quyết tại Tòa án huyện Yên Dũng, từ năm 2010 đến khi ly hôn vợ chồng không tạo dựng được tài sản chung gì. Năm 2015, sau khi bố mẹ anh cho anh một phần diện tích đất, vợ chồng có vay mượn để làm nhà một tầng trên đất bố mẹ anh cho anh để ở

Năm 2016, anh và chị Q đăng ký kết hôn lại, đến năm 2017 anh xây tiếp tầng rưỡi để ở, khi xây nhà vợ chồng anh có nhờ mẹ đẻ anh là bà Chu Thị B làm thủ tục đứng tên vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Yên Dũng vay số tiền 200.000.000, thế chấp hai đất của bố mẹ anh cho anh và đất của mẹ anh. Tháng 2/2020, anh đã trả Ngân hàng 100.000.000 đồng và rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh thế chấp cho Ngân hàng ra. Hiện tại anh còn nợ Ngân hàng khoảng 100.000.000 gốc, vẫn thế chấp đất của mẹ đẻ anh, vay em gái anh là chị Chu Thị O 30.000.000 đồng; mẹ đẻ anh 05 chỉ vàng 9999. Việc vay mượn tiền chị Q biết, khi mẹ anh và em gái anh đưa tiền thì đưa cho cả hai vợ chồng. Năm 2016, khi về chung sống chị Q có đi làm công nhân ở Công ty tại tỉnh Bắc Ninh.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có làm được hai gian nhà tầng, còn đất là bố mẹ anh cho riêng anh, vì khi làm nhà UBND xã Yên Lư có yêu cầu phải làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh có đi làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang

tên hai vợ chồng. Ngoài ra một số đồ dùng sinh hoạt trong nhà, còn máy móc phục vụ việc làm ăn của anh.

Nay chị Q yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm nhà đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, anh không đồng ý vì hiện nay chị Q đã đi lấy chồng và ở Miền Nam, theo như quyết định ly hôn của Tòa án thì anh và chị Q mỗi người nuôi một con nhưng chị Q không nuôi con mà bỏ lại con để anh nuôi. Còn một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình hiện tại giá trị sử dụng thấp, anh không có ý kiến gì.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Thời gian làm nhà anh và chị Q có vay mượn như anh đã trình bày ở trên, cụ thể:

Nhờ mẹ anh là bà Chu Thị B, sinh năm 1957, địa chỉ thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đứng tên vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Yên Dũng số tiền gốc còn nợ 100.000.000 đồng; cá nhân mẹ anh cho vợ chồng vay 5 chỉ vàng 9999. Vay của em gái anh là Chu Thị O, sinh năm 1990, địa chỉ thôn N, xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Về nuôi con chung: Khi giải quyết ly hôn anh và chị Q thỏa thuận anh nuôi cháu Chu Văn A, sinh ngày 02/9/2018. Chị Q nuôi cháu Chu Thị Minh H, sinh ngày 18/3/2011. Từ khi có quyết định ly hôn, chị Q không nuôi con, cháu H vẫn sinh sống cùng với anh. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, anh nhận nuôi cháu H.

Tại phiên tòa anh C trình bày: Anh đồng ý chia tài sản chung là nhà đất tại thửa số 241, tờ bản đồ 24, diện tích 94,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn A xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00850/324/QĐ-UBND ngày 19/7/2017, người sử dụng đất ông Chu Văn C, bà Hà Thị Q. Anh không có tiền mặt trả cho chị Q, anh đề nghị chia đôi cả nhà và đất mỗi người ½. Anh giữ nguyên yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn là cháu Chu Thị Minh H, sinh ngày 18/3/2011 vì chị Q không đủ điều kiện chăm sóc con, hiện chị Q đã xây dựng gia đình và ở trong Thành phố Hồ Chí Minh, từ khi ly hôn đến nay anh vẫn nuôi con. Đối với kết quả định giá tài sản anh nhất trí không có ý kiến gì. Chị Q rút một phần yêu cầu chia tài sản là đồ dùng sinh hoạt anh không có ý kiến gì. Về công nợ chị Q cũng thừa nhận khi làm nhà vợ chồng có nhờ mẹ anh

là bà Bến vay Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, hiện chưa trả được, anh cũng đồng ý để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, anh không có yêu cầu gì.

*** *Tại biên bản ghi lời khai của cháu Chu Thị Minh H trình bày:*** Cháu đang học lớp 4A1 trường tiểu học Y số 1, huyện Yên Dũng, cháu vẫn ở cùng bố và ông bà nội từ bé, mẹ cháu là Hà Thị Q sống ở Miền Nam, nguyện vọng của cháu là muốn ở với bố.

*** Đối với bà Chu Thị B, chị Chu Thị O, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ tài liệu nhưng bà B, chị O không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu của bị đơn.**

*** *Quá trình giải quyết vụ án chị Q có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 241, tờ bản đồ 24, diện tích 94,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn An Thái, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00850/324/QĐ-UBND ngày 19/7/2017, người sử dụng đất ông Chu Văn C, bà Hà Thị Q; 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy cắt nhôm; 01 kệ ti vi : Kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 01/4/2021 cụ thể như sau:***

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:

+ Đối với đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp nhà anh Chu Văn Th; Phía Tây giáp nhà anh Chu Văn V; Phía Bắc giáp đường đi; Phía Nam giáp nhà bà Nguyễn Thị G. Trên đất có nhà ba tầng.

+ các tài sản gồm: 01 điều hòa mua năm 2019; 01 tủ lạnh mua năm 2012; 01 máy lọc nước mua năm 2017; 01 máy cắt nhôm mua năm 2017; 01 kệ ti vi mua năm 2020; 01 máy giặt mua năm 2017.

- Kết quả định giá:

+ Đối với đất, theo giá Nhà nước 1.800.000 đồng/1 m²; Theo giá chuyên nhượng thực tế tại địa phương 15.000.000 đồng/1 m²

+ Tài sản trên đất: Tầng một giá trị 80.477.000 đồng; tầng hai và tầng ba giá trị 452.526.000 đồng; cầu thang giá trị 5.763.000 đồng.

+ Đối với các tài sản khác: 01 điều hòa mua năm 2019 trị giá 3.500.000 đồng; 01 tủ lạnh mua năm 2012 trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy lọc nước mua năm 2017 trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy cắt nhôm mua năm 2017 trị giá 1.600.000 đồng; 01 kệ ti vi mua năm 2020 trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy giặt mua năm 2017 trị giá 2.000.000 đồng.

+ Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

+ Ngày 08/11/2021, Tòa án đã mở phiên tòa, nhưng nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q và yêu cầu của anh C, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Về chia tài sản chung: Giao cho anh C sử dụng thửa đất số 241, tờ bản đồ 24, diện tích 94,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00850/324/QĐ-UBND ngày 19/7/2017, người sử dụng đất ông Chu Văn C, bà Hà Thị Q và tài sản gắn liền với đất. Tổng tài sản trị giá 1.956.266.000 đồng, anh C có trách nhiệm trích chia cho chị Q số tiền 700.000.000 đồng, chị Q được nhận số tiền 700.000.000 đồng khi anh Cường trích chia.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Q đối với anh C, bao gồm các tài sản 01 điều hòa; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy cắt nhôm; 01 kệ ti vi; 01 máy giặt.

3. Về nuôi con chung: Anh C nuôi cháu Chu Thị Minh H, sinh ngày 18/3/2011.

4. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí thay đổi nuôi con, anh C, chị Q phải chịu án phí về chia tài sản.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Q nhận chịu cả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Chu Thị B và chị Chu Thị O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với qui định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 181/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

[3] Xét các yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Đối với yêu cầu của anh Chu Văn C về thay đổi người trực tiếp nuôi con thì thấy: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 181/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, chị Q và anh C đã thỏa thuận về việc nuôi con chung, anh C nuôi cháu Chu Văn A, sinh ngày 02/9/2018. Chị Q nuôi cháu Chu Thị Minh H, sinh ngày 18/3/2011. Theo như anh C và cũng như lời khai của cháu Hằng thì từ khi anh C, chị Q có quyết định ly hôn, anh C vẫn là người trực tiếp nuôi cháu H, hiện chị Q đã xây dựng gia đình và ở Thành phố Hồ Chí Minh, cháu H đang học tại trường Tiểu học Y, nguyện vọng của cháu H muốn được ở với anh C. Để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển tốt nhất của cháu Chu Thị Minh H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Chu Văn C là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.1.1]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu, do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[3.1.2]. Chị Q có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp

nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[3.2]. Xét yêu cầu chia tài sản chung của chị Q là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 241, tờ bản đồ 24, diện tích 94,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00850/324/QĐ-UBND ngày 19/7/2017, người sử dụng đất ông Chu Văn C, bà Hà Thị Q thì thấy:

[3.2.1]. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 241, tờ bản đồ 24, diện tích 94,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang thì thấy: Nguồn gốc thửa đất là do thôn A có bán trái thẩm quyền cho hộ bà Chu Thị B, sau đó bà B, ông L đã cho các con gồm anh Chu Văn V, anh Chu Văn Th và anh Chu Văn C, mỗi người một lô. Sau khi cho ngày 12/12/2016 anh C có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cán bộ địa chính và UBND xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xác nhận vào đơn ngày 29/12/2016. Ngày 19/7/2017 UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 241, tờ bản đồ số 24, diện tích 94,5 m², địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Năm 2017 và năm 2018 anh C chị Q làm nhà kiên cố ba tầng ở ổn định từ năm 2017 đến năm 2020 không có ai tranh chấp gì.

[3.2.2] Chị Hà Thị Q yêu cầu chia đôi nhà và đất tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 24, diện tích 94,5 m², địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang thì thấy: Theo kết quả định giá tài sản thì diện tích đất theo giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương là 1.417.500.000 đồng, tài sản trên đất là 538.766.000 đồng. Tổng giá trị tài sản nhà và đất là 1.956.266.000 đồng. Hội đồng xét thấy, nguồn gốc đất là của bố mẹ anh C cho anh C, năm 2017, 2018 anh C, chị Q làm nhà ba tầng, khi mới kết hôn chị Q công việc không ổn định, anh C kinh doanh tại nhà, anh C có công sức nhiều hơn. Anh C nhất trí chia đôi nhà đất mỗi người ½ là không phù hợp vì diện tích khi chia đôi không đủ tách thửa theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đất và điều kiện tách thửa, hợp thửa đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc

Giang. Chị Q yêu cầu chia giá trị nhà đất là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh C sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất trên và có trách nhiệm trích chia cho chị Q số tiền 782.506.400 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2.3]. Đối với yêu cầu của chị Hà Thị Q chia các vận dụng sinh hoạt trong gia đình bao gồm 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy cắt nhôm; 01 kệ ti vi thì thấy: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút các yêu cầu trên, việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc rút yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự .

[3.3]. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

[3.3.1]. Anh C, chị Q đều thừa nhận thời gian làm nhà anh C, chị Quy có nhờ bà B là mẹ anh C làm thủ tục vay Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh C và đại diện theo ủy quyền của chị Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và để các bên tự thỏa thuận với nhau. Quá trình giải quyết bà Bến không có yêu cầu đòi số tiền của chị Q và anh C, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3.2]. Đối với số tiền 30.000.000 đồng, anh C có trình bày thời điểm làm nhà anh C, chị Q có vay của của em gái anh C là chị Chu Thị O. Tòa án đã có thông báo yêu cầu chị O cung cấp chứng cứ, làm đơn yêu cầu giải quyết số tiền trên nhưng chị O không sửa đổi bổ sung đơn theo yêu cầu của Tòa án và không đến Tòa án để làm việc, do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết. Nếu sau này chị O có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4]. Bà Chu Thị B, ông Chu Văn L có đơn đề nghị buộc anh C, chị Quy phải trả lại đất và trích chia tài sản trên đất. Tòa án có quyết định cung cấp chứng cứ, yêu cầu ông L, bà B làm đơn, Tòa án có thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện nhưng bà B, ông L không sửa đổi đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án, do vậy, Hội đồng không có căn cứ để xem xét giải quyết. Nếu sau này ông L, bà B có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Q và anh C phải chịu án phí về chia tài sản chung là phù hợp với qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Q phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh C được chấp nhận là phù hợp với qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền 4.200.000 đồng chị Q đã nộp để xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa chị Q xin nhận chịu cả, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1,3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 165, 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về nuôi con chung: Anh Chu Văn C nuôi dưỡng con chung là cháu Chu Thị Minh H, sinh ngày 18/03/2011

2.2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu giải quyết

2.2.3. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

2.3. Về chia tài sản chung của vợ chồng:

2.3.1. Giao cho anh Chu Văn C được quyền sử dụng thửa đất số 241, tờ bản đồ số 24, diện tích 94,5 m², địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 19/7/2017, người sử dụng đất ông Chu Văn C và bà Hà Thị Q và sở hữu tài sản gắn liền với đất. Tổng giá trị tài sản nhà và đất là 1.956.266.000 đồng

2.3.2. Anh Chu Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Hà Thị Q số tiền 782.506.400 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu năm trăm linh sáu nghìn bốn trăm đồng).

2.4. Đình chỉ yêu cầu của chị Hà Thị Q đối với anh Chu Văn C về chia các tài sản gồm: 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 tủ lạnh; 01 máy lọc nước; 01 máy cắt nhôm; 01 kệ ti vi.

2.5. Về án phí:

2.5.1. Chị Hà Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí thay đổi nuôi con và 35.300.256 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0000007 ngày 21/12/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Chị Q còn phải nộp 28.100.256 đồng án phí DSST

2.4.2. Anh Chu Văn C phải chịu 47.212.788 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0000131 ngày 15/4/2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Anh C còn phải nộp 46.912.788 đồng án phí DSST

2.5. Về chi phí tố tụng: Chị Hà Thị Q nhận chịu 4.200.000 đồng chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận chị Q đã thi hành xong.

2.6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

2.8. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- CCTHADS huyện Yên Dũng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Yên Lư, huyện Yên Dũng.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Ngọ Thị Thanh Hảo